

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ XUYÊN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 126/2025/HNGĐ - ST
Ngày: 09/5/2025
V/v tranh chấp: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ XUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Trinh và ông Đỗ Quang Huy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lê Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Xuyên tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Đức Thịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 240/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2025/QĐXX/HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2025/QĐST –DS ngày 25 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Kim C, sinh năm 1982;

2. *Bị đơn:* Anh Dương Đức B, sinh năm 1974;

Đều có HKTT: TDP kh, thị trấn M, huyện X, thành phố Hà Nội.

Chị C, anh B có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Trần Thị Kim C trình bày:

Chị kết hôn với anh Dương Đức B từ năm 2005 là hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Phú Minh, huyện Phú Xuyên, TP Hà Nội. Sau khi cưới, anh chị chung sống hòa thuận đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, do không hợp, bất đồng quan điểm cả trong đời sống sinh hoạt hàng ngày và trong chuyện làm ăn, phần anh B thiếu quan tâm trách nhiệm với gia đình. Đến năm 2022, thì anh chị ly thân nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc không có, chị xin được ly hôn với anh B.

Về con chung: Vợ chồng có ba con chung là Dương Đình T sinh ngày 25/7/2006, Dương Thanh Tr sinh ngày 21/01/2009, Dương Quý M sinh ngày 07/5/2021; cháu Tùng đã trưởng thành, không đề nghị Toà xét, chỉ đề nghị được nuôi cháu Tr và cháu M, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung: Không có, chỉ không yêu cầu Tòa giải quyết.

Công nợ chung vợ chồng: Nợ Ngân hàng đã trả xong, không có công nợ khác, chỉ không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về phía bị đơn, anh Dương Đức B trình bày:

Anh Bạo xác nhận việc anh và chị C tự nguyện kết hôn vào 2005 là đúng. Mâu thuẫn vợ chồng cũng mới chỉ phát sinh trong mấy năm trở lại đây nhưng không đến mức trầm trọng, anh không đánh chửi chị, còn việc va chạm là không tránh khỏi, anh vẫn còn tình cảm và mong muốn được hàn gắn hôn nhân, anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có ba con chung là Dương Đình T sinh ngày 25/7/2006, Dương Thanh Tr sinh ngày 21/01/2009, Dương Quý M sinh ngày 07/5/2021; cháu Tùng đã trưởng thành. Anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai cháu, nếu không được chấp nhận thì anh xin nuôi cháu Tr và giao cháu M cho chị C chăm sóc, nuôi dưỡng và không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, công nợ chung vợ chồng: Không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại phiên tòa:

Chị Trần Thị Kim C giữ nguyên quan điểm về yêu cầu xin ly hôn. Về con chung: cháu T đã trưởng thành, không đề nghị Toà xét, đồng ý giao cháu Tr cho anh B nuôi dưỡng, để chị nuôi dưỡng cháu M, các bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau; tài sản chung, công nợ chung: không có, không đề nghị Toà xét.

Anh Trần Đức B không đồng ý ly hôn; Về con chung: cháu T đã trưởng thành, không đề nghị Toà xét, đồng ý nuôi cháu Tr, để chị C nuôi cháu M, các bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau; tài sản chung, công nợ chung: không có, không đề nghị Toà xét.

Đại diện VKSND huyện Phú Xuyên tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các qui định về thủ tục tố tụng của Pháp luật TTDS trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tố tụng của mình. Bị đơn không thực hiện nghĩa vụ tố tụng của mình. Đề nghị HĐXX, xét xử vụ án theo qui định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Kim C. Về con chung: Cháu Dương Đình T sinh ngày 25/7/2006, đã trưởng thành nên không xét; Chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự, giao cháu Dương

Thanh Tr sinh ngày 21/01/2009 cho anh B được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; Giao cháu Dương Quý M sinh ngày 07/5/2021 cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Các bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau đến khi con trưởng thành hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật. Không xét quan hệ tài sản, công nợ chung vợ chồng; chị C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Trên cơ sở lời trình bày của đương sự và quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, anh B vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất, lần thứ hai anh B có mặt tại phiên tòa. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

Về Nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Kim C và anh Dương Đức B có quan hệ hôn nhân hợp pháp, thông qua việc đăng ký kết hôn, ngày 09/9/2005 tại UBND thị trấn Phú Minh. Quá trình chung sống, tình cảm vợ đã có một thời gian dài hòa thuận, hạnh phúc và phải đến năm 2022 thì mới phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do đời sống kinh tế gặp khó khăn, anh chị thường xuyên xảy ra bất đồng và chàm, cãi nhau. Đến khoảng tháng 7/2024, thì chị Cúc bỏ về nhà để nương nhờ và ly thân anh. Tại phiên tòa, trong khi chị Cúc một mực xin ly hôn, thì anh Bạo lại xin đoàn tụ, mặc dù theo anh, từ khi chị Cúc bỏ đi anh đã nhiều lần gọi, động viên chị về đoàn tụ, tuy nhiên, chị C không về mà chỉ muốn ly hôn để đi tìm hạnh phúc mới, và nếu đúng như lời anh B xác nhận, điều đó chỉ chứng tỏ thêm rằng, tình cảm của chị với anh đã không còn, mặt khác, dù anh xin đoàn tụ, thế nhưng khi được Tòa án báo gọi, triệu tập đến Tòa tham gia phiên hòa giải, anh Bạo lại không thực hiện, với lý do “anh bận”, điều này phần nào thể hiện phía anh Bạo không thực sự tha thiết với yêu cầu xin đoàn tụ của chính mình, HĐXX nhận thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa các bên đã thực sự trầm trọng và kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, thời gian ly thân đã lâu, cần áp dụng các quy định của điều 39 BLDS, các điều 51, 56, 57 của Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị Cúc được ly hôn anh Bạo.

Về con chung: Vợ chồng có ba con chung là Dương Đình T sinh ngày 25/7/2006, Dương Thanh T sinh ngày 21/01/2009, Dương Quý M sinh ngày 07/5/2021; cháu T đã trưởng thành, không đề nghị Tòa án giải quyết. Hiện cháu Tr và cháu M đang ở cùng với chị C. Tại phiên tòa, các bên thỏa thuận giao cháu Tr cho anh B trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, còn chị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu M. Xét sự tự nguyện của các bên là phù hợp với pháp luật, nên HĐXX nhận thấy nhận nguyện vọng của các bên.

Các bên được quyền đi lại, thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các bên không đề nghị nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho các bên đến khi con chung trưởng thành hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật.

Về tài sản, công nợ chung vợ chồng: Các bên xác nhận không có tài sản công nợ chung, nên Tòa không xét. Thực tế, anh chị có 01 khoản vay của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng và đã được Tòa án xem xét, giải quyết, trong một việc kiện độc lập trước khi chị C xin ly hôn, vụ việc đã được giải quyết, kết quả phía Ngân hàng rút yêu cầu khởi kiện do chị C anh B đã trả hết nợ và Tòa án đã ra Quyết định đình chỉ vụ án.

Về án phí: Chị Cúc phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điều 39 BLDS; Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Kim C.

- ***Về hôn nhân:*** Chị Trần Thị Kim C được ly hôn anh Dương Đức B.

- ***Về con chung:*** Cháu Dương Đình Tùng sinh ngày 25/7/2006, đã trưởng thành. Giao cháu Dương Thanh Tr, sinh ngày 21/01/2009, cho anh Dương Đức B được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Giao cháu Dương Quý Mai sinh ngày 07/5/2021, cho chị Trần Thị Kim C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Các bên được quyền đi lại, thăm nom con chung, không ai được ngăn cản

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Dương Đức B đến khi con chung trưởng thành hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật.

- ***Về tài sản, công nợ chung vợ chồng:*** Tòa không xét.

- ***Về án phí:*** Chị Trần Thị Kim C phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0015619 ngày 22/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Xuyên. Chị Cúc đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, báo nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Văn Quang

Nơi nhận:

- TANDTP Hà Nội
- VKSND huyện Phú Xuyên
- Chi cục THA huyện Phú Xuyên
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Quang

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Quang

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 52-DS:

Mẫu bản án sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự. Mẫu bản án sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm các tranh chấp về dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động.

Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án sơ thẩm kèm theo:

- (1) Nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam).
- (2) Ô thứ nhất ghi số bản án, ô thứ hai ghi năm ra bản án, ô thứ ba ghi ký hiệu loại bản án (ví dụ: Nếu là bản án giải quyết tranh chấp về dân sự năm 2017 có số 100 thì ghi: “Số:100/2017/DS-ST”; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về hôn nhân và gia đình năm 2017 có số 108 thì ghi: “Số:108/2017/HNGĐ-ST”; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về kinh doanh, thương mại năm 2017 có số 110 thì ghi: “Số:110/2017/KDTM-ST”; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về lao động năm 2017 có số 115 thì ghi: “Số:115/2017/LĐ-ST”).
- (3) Ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày.
- (4) Ghi quan hệ tranh chấp mà Tòa án giải quyết: Cần xác định tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại Điều, khoản nào của Bộ luật tố tụng dân sự, để ghi vào phần trích yếu của bản án (ví dụ: Tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết là tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: “tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân”).
- (5) Ghi như hướng dẫn tại điểm (1).
- (6) Nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi họ tên của Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà, bỏ dòng “Thẩm phán...”, đối với Hội thẩm nhân dân chỉ ghi họ tên của hai Hội thẩm nhân dân; nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi họ tên của Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân. Cần chú ý là không ghi chức vụ của Thẩm phán; chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân.
- (7) Ghi họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).
- (8) Nếu có Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa thì ghi như hướng dẫn tại điểm (1) song đổi các chữ “Tòa án nhân dân” thành “Viện kiểm sát nhân dân”.
- (9) Trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ “Trong các” (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi “Trong các ngày” (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liên nhau thì ghi: “Từ ngày đến ngày” (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liên nhau thì ghi trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liên nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liên nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).
- (10) Nếu xét xử kín thì thay cụm từ “công khai” bằng từ “kín”.
- (11) Ô thứ nhất ghi số thụ lý, ô thứ hai ghi năm thụ lý và ô thứ ba nếu là tranh chấp về dân sự thì ghi “DS”; nếu là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thì ghi “HNGĐ”; nếu là tranh chấp về kinh doanh, thương mại thì ghi “KDTM”; nếu là tranh chấp về lao động thì ghi “LĐ” (ví dụ: số 18/2017/TLST-HNGĐ).
- (12) Ghi như hướng dẫn tại điểm (4).

(13) Nguyên đơn là cá nhân thì ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên ghi ngày, tháng, năm sinh và họ tên người đại diện hợp pháp của người chưa thành niên). Nguyên đơn là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ của cơ quan, tổ chức đó.

(14) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và ghi họ tên, địa chỉ cư trú; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn; nếu là người đại diện theo pháp luật thì cần ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với nguyên đơn; nếu là người đại diện theo uỷ quyền thì cần ghi chú trong ngoặc đơn: “văn bản uỷ quyền ngày... tháng... năm...”.

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A trú tại... là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn (Giám đốc Công ty TNHH Thắng Lợi).

Ví dụ 2: Bà Lê Thị B trú tại... là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn (Văn bản uỷ quyền ngày... tháng... năm...).

(15) Chỉ ghi khi có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là Luật sư thì ghi là Luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào); nếu có nhiều nguyên đơn thì ghi cụ thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn nào.

(16) và (19) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (13).

(17) và (20) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (14).

(18) và (21) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (15).

(22) Ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên ghi ngày, tháng, năm sinh và họ tên người đại diện hợp pháp của người chưa thành niên).

(23) Ghi họ tên, chức danh, địa chỉ nơi làm việc (nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú).

(24) Ghi họ tên, địa chỉ nơi làm việc (nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú).

(25) Trong phần này ghi rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, của cơ quan, tổ chức, cá nhân; yêu cầu phản tố, đề nghị của bị đơn; yêu cầu độc lập, đề nghị của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; ý kiến của Viện kiểm sát; ghi ngắn gọn, đầy đủ các tài liệu, chứng cứ, tình tiết của vụ án; ghi rõ các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, các tình tiết mà các bên đã thống nhất, không thống nhất; đối với các tình tiết của vụ án mà các bên không thống nhất thì phải ghi rõ lý lẽ, lập luận của từng bên đương sự.

(26) Ghi nhận định của Tòa án về những vấn đề cần phải giải quyết trong vụ án (về áp dụng pháp luật tố tụng và pháp luật nội dung). Tòa án phải căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa để phân tích, đánh giá, nhận định đầy đủ, khách quan về chứng cứ và những tình tiết của vụ án; phân tích, viện dẫn những căn cứ pháp luật, án lệ (nếu có) để chấp nhận hoặc không chấp nhận yêu cầu, đề nghị của đương sự; yêu cầu, đề nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khác (nếu có); yêu cầu, đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát (nếu có); giải quyết các vấn đề khác có liên quan. Nếu vụ án thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 4 của Bộ luật tố tụng dân sự thì tùy từng trường hợp mà Tòa án phân tích, lập luận về việc áp dụng tập quán, tương tự pháp luật, nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự, án lệ hoặc lẽ công bằng.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(27) Tùy từng trường hợp mà ghi rõ các căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(28) Ghi các quyết định của Tòa án về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án, về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo đối với bản án; trường hợp có quyết định phải thi hành ngay thì phải ghi rõ quyết định đó. Đối với trường hợp xét xử sơ thẩm lại vụ án mà bản án, quyết định đã bị hủy một phần hoặc toàn bộ theo quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm thì ghi vấn đề tài sản, nghĩa vụ đã được thi hành (nếu có) theo bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật nhưng bị hủy; trường hợp có quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự thì phải ghi rõ nội dung về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án.

(29) Phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải

lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện và Viện kiểm sát thì ghi như sau:

Nơi nhận:

Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại Điều 269 của Bộ luật tố tụng dân sự và những nơi cần lưu bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

